

Số: 34/2024/HSST
Ngày: 23- 4- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thu An

Ông Phạm Xuân Đỉnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2024/HSST ngày 07 tháng 3 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/HSST-QĐ ngày 01/4/2024 đối với bị cáo:

THỊ D, sinh năm 2003; tại Bình Phước; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Ấp Tổng Cui Nhỏ, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Stiêng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều M, sinh năm 1981 và con bà Thị G, sinh năm 1982; chồng: Lâm C, sinh năm 2001; có 01 người con: Lâm Quốc T, sinh năm 2021; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đặng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 3, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi P, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 3, xã L, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thị D, sinh năm 2003, nơi thường trú: Ấp Tổng Cui Nhỏ, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước là đối tượng đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án số 62/2022/HSST ngày 19/9/2022, đang chấp hành án cải tạo không giam giữ tại xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (chưa được xóa án tích).

Khoảng 14 giờ 55 phút ngày 01/11/2023, Thị D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển số 93B1-047.48 từ nhà đến quán trà sữa

“Khoai H”, địa chỉ: Ấp 3, xã M, thị xã C, do anh Đặng T, sinh năm 1985, nơi thường trú: Ấp 3, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước làm chủ, để mua nước uống. Khi đến quán, D phát hiện trên quầy bán nước trong quán để điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G, màu xanh-tím và số tiền 80.000 đồng của anh T, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D lên đến lấy điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G, màu xanh-tím và số tiền 80.000 đồng rồi tẩu thoát. Sau đó, D mang điện thoại đến Cửa hàng mua bán điện thoại di động “P”, địa chỉ: Ấp 3, xã M, thị xã C, do chị Bùi P, sinh năm 1985, nơi thường trú: Ấp 3, xã L, thị xã C làm chủ, bán chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt của anh T lấy số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) rồi điều khiển xe mô tô về nhà chồng của D tại ấp 5, xã N, thị xã C.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, anh T đến Công an xã Minh Lập trình báo sự việc. Qua truy xét, Công an xã Minh Lập mời Thị D về trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan Công an, Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên và giao nộp số tiền 650.000 đồng còn lại từ việc bán điện thoại chiếm đoạt của anh T.

Công an xã Minh Lập lập hồ sơ xác minh ban đầu và thu hồi vật chứng điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G, màu xanh-tím mà D bán tại Cửa hàng mua bán điện thoại di động “P”. Ngày 10/11/2023, Công an xã Minh Lập chuyển hồ sơ cùng vật chứng gồm: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển số 93B1-047.48; điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G, màu xanh tím và số tiền 650.000 đồng đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 96/KLĐG-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Chơn Thành, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G, màu xanh-tím, dung lượng 128Gb của anh Đặng T, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

* Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y72 5G, màu xanh tím, số Imei 1: 8632060577309612, số Imei 2: 863206057730904, ram 8Gb, Dung lượng 128Gb thu giữ từ chị Bùi P, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp 3, xã L, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Đặng T, bị cáo Thị D chiếm đoạt. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành đã trả lại tài sản trên cho anh Đặng T đúng quy định.

- 01 xe mô tô biển số 93B1-047.48, nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đỏ - đen, số máy 5C64-687328, số khung 5C640CY687325. Xe có giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp số 003012 do Công an thị xã Chơn Thành, thị xã Chơn Thành cấp ngày 17/01/2012, đứng tên chủ sở hữu anh Phùng D, sinh năm: 1991, HKTT: ấp 1, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Ngày 01/11/2023, Thị D mượn xe mô tô biển số 93B1-047.48 của anh H để đi làm rồi sử dụng để Trộm cắp tài sản, tuy nhiên, anh H không biết việc D sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành đã trả lại xe mô tô biển số 93B1-047.48 cho anh H đúng quy định.

- Số tiền 650.000 đồng thu giữ của bị cáo Thị D. Đây là tiền bị cáo có được từ việc bán tài sản trộm cắp mà có.

* Trách nhiệm dân sự:

Anh Đặng T đã nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt là điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y72 5G, màu xanh tím. Anh T không yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Chị Bùi P: Bị cáo D đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng là số tiền chị Phượng mua điện thoại do bị cáo D phạm tội mà có. Chị Phượng không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Bản cáo trạng số 32/CTr-VKS, ngày 07/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Thị D về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38,50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo D đang chấp hành án cải tạo không giam giữ tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 01/11/2023 (ngày bị cáo phạm tội mới) bị cáo đã chấp hành được 12 tháng 07 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành là 7 tháng 23 ngày. Theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp hình phạt đối với thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành. Theo quy định tại Điều 36 bộ luật hình sự thì cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành là 07 tháng 23 ngày quy đổi ra thành 78 ngày tạm giam. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt bị cáo D với mức án từ 11 tháng 18 ngày đến 14 tháng 18 ngày tù

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại là ông Đặng T vắng mặt do có đơn xin xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi P vắng mặt không có ý do. Xét thấy việc vắng mặt của người bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 29 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 55 phút ngày 01/11/2023 Thị D điều khiển xe mô tô từ nhà đến quán trà sữa “Khoai H” địa chỉ ấp 3, xã L, thị xã C, tỉnh Bình Phước do anh Đặng T làm chủ để mua nước uống. Khi đến quán, D phát hiện quán không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D lên đến phòng bếp của quán trà sữa phát hiện trên bàn để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G màu xanh tím của anh T, D lén lút lấy trộm điện thoại của anh T rồi tiếp tục đi đến quầy bán trà sữa của quán phát hiện số tiền 80.000đ của anh T để dưới kệ đồ nên D lấy trộm số tiền 80.000đ rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Kết luận định giá xác định điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 5G màu xanh tím tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 1.000.000đ. Tổng giá trị tài sản D đã chiếm đoạt là 1.080.000đ. Tuy giá trị tài sản D chiếm đoạt dưới 2.000.000đ nhưng tại bản án số 62/2022/HSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nên bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi của Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 32/CTr-VKS, ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại tiền cho chị Phương. Bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính của gia đình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét thấy, thời gian tạm giam chưa đủ có tác dụng giáo dục bị cáo nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Đặng T đã nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt là điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y72 5G, màu xanh tím. Anh T không yêu cầu bồi thường gì khác nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Chị Bùi P: Bị cáo D đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng là số tiền chị P mua điện thoại do bị cáo D phạm tội mà có. Chị P không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Số tiền 650.000đ là tiền mà bị cáo D có được từ việc bán tài sản trộm cắp mà có do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7]. Bị cáo D đang chấp hành án cải tạo không giam giữ tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 01/11/2023 (ngày bị cáo phạm tội mới) bị cáo đã chấp hành được 12 tháng 07 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành là 7 tháng 23 ngày. Theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp hình phạt đối với thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành. Theo quy định tại Điều 36 bộ luật hình sự thì cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành là 07 tháng 23 ngày quy đổi ra thành 78 ngày tạm giam.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử một phần nên được chấp nhận một phần.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38,50 Bộ luật hình sự.

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thị D phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thị D 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian hình phạt còn lại bị cáo D chưa chấp hành tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản,

tỉnh Bình Phước sau khi quy đổi tương ứng với 78 ngày tạm giam (tương ứng với 02 tháng 18 ngày tạm giam).

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Thị D phải chấp hành là 08 (tám) tháng 18 (mười tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung ngân sách nhà nước Số tiền 650.000đ

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh